



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

***Báo cáo tài chính  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
đã được kiểm toán***

---

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT**

A28 Lô 3 - Khu đô thị Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội  
Tel: 024 - 3640 3642 / Fax: 024 - 3640 3643 / Web: www.pnt.com.vn

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo Kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang là công ty TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyền Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyền Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 08 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 12.000.000.000 VND (Mười hai tỷ đồng).

Tên đại diện Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

Trụ sở hoạt động: Số 117, đường Lê Lợi, tổ dân phố Tân Quang 10, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyền Quang.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200 (chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch Chi tiết: Tổ chức tour du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Sơn Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025
Ông Vương Trọng Khánh	Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng Dương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2025
Ông Lương Việt Hân	Kế toán trưởng	



# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

*Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)*

---

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT (PNT Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty. PNT Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập cho Công ty trong những năm tiếp theo.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tuyên Quang, ngày 26 tháng 01 năm 2026*

**TM Ban Giám đốc**





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ PNT**  
PNT INTERNATIONAL AUDITING CO., Ltd

Số: 03/2026/BCTC-PNT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Kiến thiết Tuyên Quang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Kiến thiết Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 16 tháng 01 năm 2026 từ trang 5 đến trang 22 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyên Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT**



**Khương Tất Thành**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0410-2023-136-1

**Kiểm toán viên**

**Đặng Hải Hà**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2558-2023-136-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.604.631.893</b>	<b>11.855.122.894</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.995.190.144</b>	<b>1.183.384.645</b>
1. Tiền	111	V.1	1.995.190.144	1.183.384.645
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>5.114.676.068</b>	<b>9.610.053.808</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.114.676.068	9.610.053.808
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>316.945.866</b>	<b>685.631.023</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	118.824.017	134.034.029
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3b	20.368.219	338.205.139
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	177.753.630	213.391.855
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>155.613.744</b>	<b>222.739.318</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	155.613.744	222.739.318
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.206.071</b>	<b>153.314.100</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9b	22.206.071	153.314.100
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.893.591.730</b>	<b>9.605.779.387</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.768.015.868</b>	<b>7.935.326.248</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	7.768.015.868	7.901.777.864
- Nguyên giá	222		12.522.758.456	12.087.447.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.754.742.588)	(4.185.669.999)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7		33.548.384
- Nguyên giá	228		698.600.000	698.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(698.600.000)	(665.051.616)
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>957.914.182</b>	<b>639.768.182</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		957.914.182	639.768.182
<b>V- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.167.661.680</b>	<b>1.030.684.957</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.167.661.680	1.030.684.957
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>17.498.223.623</b>	<b>21.460.902.281</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG**

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

*Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)*

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.498.223.623</b>	<b>9.460.902.281</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.824.723.623</b>	<b>8.787.402.281</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		109.765.700	38.170.591
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		918.415.676	951.333.358
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	1.850.741.830	1.466.705.280
4. Phải trả người lao động	314		23.280.000	433.541.071
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10a	1.035.061.108	954.352.179
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11		3.936.247.778
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		887.459.309	1.007.052.024
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>673.500.000</b>	<b>673.500.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.10b	673.500.000	673.500.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
<b>II- Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>17.498.223.623</b>	<b>21.460.902.281</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		4.024.923.782	3.967.435.128
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		486.392.700	450.000.000
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		8.638.920.000	9.717.210.000

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

*Ma Lê Nga*

Kế toán trưởng

*Lương Việt Hà*

Chủ tịch



**Lê Sơn Đông**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>79.297.601.138</b>	<b>77.604.387.497</b>
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		79.046.263.652	77.600.436.365
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		7.853.563.662	8.833.827.272
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2			
1.1.3. Xổ số bóc	01.1.3		2.863.636.356	2.318.118.181
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		48.615.654.546	46.972.518.183
1.1.5. Xổ số lô tô 3/23	01.1.5		1.258.790.909	1.315.272.728
1.1.6. Xổ số lô tô cặp số	01.1.6		18.454.618.179	18.160.700.001
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		251.337.486	3.951.132
<b>2. Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>VI.2</b>	<b>10.342.642.293</b>	<b>10.121.796.050</b>
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		10.310.382.214	10.121.796.050
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		1.024.377.868	1.152.238.340
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2			
2.1.3. Xổ số bóc	02.1.3		373.517.789	302.363.241
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		6.341.172.332	6.126.850.200
2.1.5. Xổ số lô tô 3/23	02.1.5		164.190.116	171.557.312
2.1.6. Xổ số lô tô cặp số	02.1.6		2.407.124.110	2.368.786.957
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2		32.260.079	
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>68.954.958.845</b>	<b>67.482.591.447</b>
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		68.735.881.438	67.478.640.315
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		6.829.185.794	7.681.588.932
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2			
3.1.3. Xổ số bóc	10.1.3		2.490.118.567	2.015.754.940
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		42.274.482.214	40.845.667.983
3.1.5. Xổ số lô tô 3/23	10.1.5		1.094.600.793	1.143.715.416
3.1.6. Xổ số lô tô cặp số	10.1.6		16.047.494.069	15.791.913.044
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		219.077.407	3.951.132
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.4</b>	<b>53.951.961.864</b>	<b>54.431.906.945</b>
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		53.951.961.864	54.431.906.945
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		43.790.533.279	44.481.136.153
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		10.161.428.585	9.950.770.792
4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2			
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>15.002.996.981</b>	<b>13.050.684.502</b>
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		14.783.919.574	13.046.733.370
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		219.077.407	3.951.132

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG****Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	469.649.216	559.001.502
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	65.478.082	29.217.808
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		65.478.082	29.217.808
8. Chi phí bán hàng	24	VI.9a		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9b	13.279.773.596	11.569.726.805
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.127.394.519</b>	<b>2.010.741.391</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	58.828.883	76.883.500
12. Chi phí khác	32	VI.8	31.965.708	58.931.294
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>26.863.175</b>	<b>17.952.206</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.154.257.694</b>	<b>2.028.693.597</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	436.961.613	417.250.956
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.717.296.081</b>	<b>1.611.442.641</b>

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Nga.

Kế toán trưởng

  
Lương Việt Hân

Chủ tịch

**Lê Sơn Đông**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		87.337.461.950	85.784.115.388
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.202.190.411)	(5.445.549.094)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.840.775.475)	(5.319.598.580)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(65.478.082)	(29.217.808)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(380.000.000)	(413.927.256)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.519.858.401	5.597.474.391
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(84.086.787.247)	(82.058.543.652)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.717.910.864)</b>	<b>(1.885.246.611)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(435.310.593)	(159.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.236.752.397)	(9.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.732.130.137	9.979.627.399
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		469.649.216	559.001.502
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.529.716.363</b>	<b>879.628.901</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.800.000.000	2.050.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.800.000.000)	(2.050.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>811.805.499</b>	<b>(1.005.617.710)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.183.384.645</b>	<b>2.189.002.355</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1.995.190.144</b>	<b>1.183.384.645</b>

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Ngọc

Kế toán trưởng

  
Lương Việt Hải

Chủ tịch



**Lê Sơn Đông**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tuyền Quang là công ty TNHH 100% vốn Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Tuyền Quang thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15/04/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 5000123794 ngày 22/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyền Quang cấp lần đầu. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/08/2025.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Kinh doanh các loại hình xổ số.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc. Chi tiết: Kinh doanh các loại hình xổ số (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9200 (chính)
2	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch. Chi tiết: Tổ chức tour du lịch nội địa.	7920
3	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932

#### 4. Tổng số công nhân viên và người lao động

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 43 cán bộ công nhân viên.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của Công ty, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

Các khoản tương đương tiền là khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### **2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo số lượng và giá trị vé xuất cho khách hàng (đại lý).

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

##### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém, mất phẩm chất là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

##### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và các thông tư sửa đổi, bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao TSCĐ được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị: 05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 - 05 năm
- Phần mềm Xổ số lô tô: 03 năm

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

### 5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh trên một năm tài chính;
- Chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp tỷ lệ trên tổng số dư chi phí trả trước dài hạn. Số liệu chi tiết thể hiện trên Thuyết minh V.8b "Chi phí trả trước dài hạn" phần thuyết minh bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

Thời gian phân bổ được ước tính từ 1 đến 2 năm.

### 7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo giá trị hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương của Công ty được xác định theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nhận ký quỹ, ký cược

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được ghi nhận trên cơ sở số tiền đặt cọc thực tế của các đơn vị, cá nhân bên ngoài với thời hạn từ một năm trở lên để đảm bảo cho các dịch vụ liên quan đến sản xuất, kinh doanh được thực hiện đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: (nhận tiền ký cược, ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng đại lý xổ số).

Mức đặt cọc đại lý xổ số năm 2025, Công ty đang áp dụng là 1.500.000 VND/đại lý với Lô tô, cặp số, vé kết hợp 3/23 và vé bóc; vé xổ số kiến thiết là 100% giá trị vé nhận bán bằng tiền mặt hoặc giấy tờ có giá.

Tổng số đại lý xổ số đang thực hiện dịch vụ là 449 đại lý.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**Dự phòng rủi ro trả thưởng**

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Điều kiện được trích lập: Trong năm tài chính, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty Xổ số kiến thiết (giá trị trả thưởng thực tế trên doanh thu có thuế từ bán vé xổ số truyền thống, xổ số Lô tô, xổ số cào, bốc) nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng (đối với xổ số truyền thống là 50%; xổ số cào, bốc biết kết quả ngay là 53%) hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch (đối với xổ số Lô tô là 52%).

Thời điểm trích lập: Thực hiện vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm. Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức:  $DP = DT \times TL - TT$ , trong đó:

DP: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số.

DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong năm tài chính tính đến thời điểm ngày 31/12 năm dương lịch.

TL: Tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch trong năm theo quy định của từng loại hình xổ số.

TT: Tổng giá trị trả thưởng thực tế của từng loại hình xổ số trong năm tài chính tính đến thời điểm ngày 31/12 năm dương lịch.

Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, lợi nhuận còn lại được phân phối theo hướng dẫn tại Điều 31, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;



## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYÊNG QUANG

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ**

Các khoản giảm trừ doanh thu dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường. Các khoản giảm trừ này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

## **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Công ty ghi nhận vào giá vốn hàng bán (nếu có):

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho.

## **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí kinh doanh**

Chi phí kinh doanh bao gồm chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số.

Các khoản chi phí kinh doanh được ghi nhận là số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng, hoàn nhập dự phòng trả thưởng (nếu có) và các loại chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành xổ số trong kỳ hạch toán.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; Khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm, ...); Chi phí bằng tiền khác (chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, ...).

**18. Các nghĩa vụ về thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế, phí khác, Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp (kể cả Công ty mẹ, Công ty con, các Công ty con cùng tập đoàn, Công ty liên kết), các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	132.111.428	284.096.229
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.863.078.716	899.288.416
<b>Cộng</b>	<b>1.995.190.144</b>	<b>1.183.384.645</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

*a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>a1) Ngắn hạn</i>	<b>5.114.676.068</b>	<b>5.114.676.068</b>	<b>9.610.053.808</b>	<b>9.610.053.808</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.114.676.068	5.114.676.068	9.610.053.808	9.610.053.808
<i>a2) Dài hạn</i>				
<b>Cộng</b>	<b>5.114.676.068</b>	<b>5.114.676.068</b>	<b>9.610.053.808</b>	<b>9.610.053.808</b>

**3. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<b>118.824.017</b>	<b>134.034.029</b>
- Các đối tượng khác	118.824.017	134.034.029
<b>Cộng</b>	<b>118.824.017</b>	<b>134.034.029</b>

*b) Trả trước người bán ngắn hạn*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vũ Thị Hiệp		209.635.000
- Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Tài nguyên Môi trường Tân Bình	18.500.000	18.500.000
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng Chiêm Hóa		40.034.000
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng Sơn Dương		68.477.000
- Công ty CP Giao thông số Việt Nam	1.868.219	1.559.139
<b>Cộng</b>	<b>20.368.219</b>	<b>338.205.139</b>

**4. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>177.753.630</b>		<b>213.391.855</b>	
- Ký cược, ký quỹ	81.772.282		81.772.282	
- Tạm ứng	64.725.000		85.600.000	
- Dự thu lãi TNGH có kỳ hạn	26.387.588		43.221.234	
- Phải thu khác	4.503.911		2.384.820	
- Dự nợ phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	364.849		413.519	
<i>b) Dài hạn</i>				
<b>Cộng</b>	<b>177.753.630</b>		<b>213.391.855</b>	

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	5.938.100		12.756.283	
Vé xổ số:	149.675.644		209.983.035	
+ Vé xổ số truyền thống	28.474.074		24.800.000	
+ Vé xổ số cào	41.900.000		76.495.000	
+ Vé xổ số bốc	52.362.775		73.077.535	
+ Vé xổ số lô tô	4.915.000		4.915.000	
+ Vé xổ số lô tô cặp	22.023.795		30.695.500	
<b>Cộng</b>	<b>155.613.744</b>		<b>222.739.318</b>	

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	9.674.930.075	328.375.952	1.538.635.636	545.506.200	12.087.447.863
Mua trong năm				127.443.000	127.443.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	307.867.593				307.867.593
Tặng khác					
Chuyển sang BĐS đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư cuối năm	9.982.797.668	328.375.952	1.538.635.636	672.949.200	12.522.758.456
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	(2.273.852.554)	(263.473.107)	(1.238.089.787)	(410.254.551)	(4.185.669.999)
Khấu hao trong năm	(358.178.772)	(6.984.960)	(144.261.996)	(59.646.861)	(569.072.589)
Tặng khác					
Chuyển sang BĐS đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số dư cuối năm	(2.632.031.326)	(270.458.067)	(1.382.351.783)	(469.901.412)	(4.754.742.588)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	7.401.077.521	64.902.845	300.545.849	135.251.649	7.901.777.864
Tại ngày cuối năm	7.350.766.342	57.917.885	156.283.853	203.047.788	7.768.015.868

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.229.705.788

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

CHỈ TIÊU	Phần mềm Xổ số lô tô	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	698.600.000	<b>698.600.000</b>
Mua trong năm		
Số dư cuối năm	698.600.000	<b>698.600.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	(665.051.616)	<b>(665.051.616)</b>
Khấu hao trong năm	(33.548.384)	<b>(33.548.384)</b>
Số dư cuối năm	(698.600.000)	<b>(698.600.000)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	33.548.384	<b>33.548.384</b>
Tại ngày cuối năm		

**8. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.167.661.680</b>	<b>1.030.684.957</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	280.308.725	274.120.009
- Chi phí trả trước dài hạn khác	887.352.955	756.564.948
<b>Cộng</b>	<b>1.167.661.680</b>	<b>1.030.684.957</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	620.910.837	7.958.735.419	7.834.695.357	744.950.899
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	620.910.837	7.958.735.419	7.834.695.357	744.950.899
Thuế tiêu thụ đặc biệt	827.314.625	10.342.642.293	10.177.704.547	992.252.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế thu nhập cá nhân	18.479.818	250.256.291	237.806.892	30.929.217
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Lợi nhuận còn phải nộp Nhà nước		82.609.343		82.609.343
<b>Cộng</b>	<b>1.466.705.280</b>	<b>18.634.243.346</b>	<b>18.250.206.796</b>	<b>1.850.741.830</b>

b) Phải thu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	79.167.684	436.961.613	380.000.000	22.206.071
Thuế môn bài và các loại thuế khác		3.273.000	3.273.000	
Lợi nhuận còn phải nộp Nhà nước	74.146.416	441.197.812	367.051.396	
<b>Cộng</b>	<b>153.314.100</b>	<b>881.432.425</b>	<b>750.324.396</b>	<b>22.206.071</b>

**10. Phải trả khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.031.060.316	954.346.499
- Khối XSKT Miền Bắc	70.908.091	157.128.474
- Phải trả hoa hồng đại lý	960.152.225	797.218.025
Phải trả khác (dư nợ)	4.000.792	5.680
<b>Cộng</b>	<b>1.035.061.108</b>	<b>954.352.179</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	673.500.000	673.500.000
<b>Cộng</b>	<b>673.500.000</b>	<b>673.500.000</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

*Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**11. Dự phòng phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Dự phòng rủi ro trả thưởng		3.936.247.778
<b>Cộng</b>		<b>3.936.247.778</b>

Trong năm 2025, tỷ lệ trả thưởng các loại hình đều vượt kế hoạch nên Công ty hoàn nhập toàn bộ dự phòng trong năm vào chi phí trả thưởng. Chi tiết tỷ lệ trả thưởng các loại hình xổ số như sau:

Loại hình xổ số	Tỷ lệ trả thưởng thực tế	Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch	Chênh lệch	Mức hoàn nhập
Xổ số truyền thống	57,59%	50,00%	7,59%	100%
Xổ số bốc	53,25%	53,00%	0,25%	100%
Xổ số lô tô	54,75%	52,00%	2,75%	100%

**12. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>12.000.000.000</b>			<b>12.000.000.000</b>
Tăng vốn trong năm trước				
Lãi trong năm trước			1.611.442.641	1.611.442.641
Trích lập các quỹ			(1.611.442.641)	(1.611.442.641)
Giảm khác				-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>12.000.000.000</b>			<b>12.000.000.000</b>
Lãi trong năm nay			1.717.296.081	1.717.296.081
Tăng vốn trong năm nay				
Trích lập các quỹ (*)			(1.717.296.081)	(1.717.296.081)
Giảm khác				
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>12.000.000.000</b>			<b>12.000.000.000</b>

(\*) Công ty tạm trích và hạch toán các quỹ theo Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ. Số tạm trích phân phối lợi nhuận của năm nay là: 1.717.296.081 VND, trong đó:

+ Trích quỹ khen thưởng:	794.872.049
+ Trích quỹ phúc lợi:	398.616.877
+ Chuyển sang phải nộp NSNN:	523.807.155

*b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	12.000.000.000	12.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác		
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.000.000.000	12.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia, phân phối	1.717.296.081	1.611.442.641

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh Xổ số	79.046.263.652	77.600.436.365
+ Xổ số truyền thống	7.853.563.662	8.833.827.272
+ Xổ số bóc	2.863.636.356	2.318.118.181
+ Xổ số lô tô	48.615.654.546	46.972.518.183
+ Xổ số lô tô 3/23	1.258.790.909	1.315.272.728
+ Xổ số lô tô cặp số	18.454.618.179	18.160.700.001
Doanh thu kinh doanh khác	251.337.486	3.951.132
<b>Cộng</b>	<b><u>79.297.601.138</u></b>	<b><u>77.604.387.497</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số (Thuế tiêu thụ đặc biệt)	10.310.382.214	10.121.796.050
+ Xổ số truyền thống	1.024.377.868	1.152.238.340
+ Xổ số bóc	373.517.789	302.363.241
+ Xổ số lô tô	6.341.172.332	6.126.850.200
+ Xổ số lô tô 3/23	164.190.116	171.557.312
+ Xổ số lô tô cặp số	2.407.124.110	2.368.786.957
Giảm trừ doanh thu khác	32.260.079	
<b>Cộng</b>	<b><u>10.342.642.293</u></b>	<b><u>10.121.796.050</u></b>

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh Xổ số	68.735.881.438	67.478.640.315
+ Xổ số truyền thống	6.829.185.794	7.681.588.932
+ Xổ số bóc	2.490.118.567	2.015.754.940
+ Xổ số lô tô	42.274.482.214	40.845.667.983
+ Xổ số lô tô 3/23	1.094.600.793	1.143.715.416
+ Xổ số lô tô cặp số	16.047.494.069	15.791.913.044
Doanh thu kinh doanh khác	219.077.407	3.951.132
<b>Cộng</b>	<b><u>68.954.958.845</u></b>	<b><u>67.482.591.447</u></b>

**4. Chi phí kinh doanh**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí kinh doanh xổ số	53.951.961.864	54.431.906.945
- Chi phí trả thưởng	43.790.533.279	44.481.136.153
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	10.161.428.585	9.950.770.792
<b>Cộng</b>	<b><u>53.951.961.864</u></b>	<b><u>54.431.906.945</u></b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	469.649.216	559.001.502
<b>Cộng</b>	<b><u>469.649.216</u></b>	<b><u>559.001.502</u></b>

**6. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	65.478.082	29.217.808
<b>Cộng</b>	<b><u>65.478.082</u></b>	<b><u>29.217.808</u></b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TUYỀN QUANG**

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập làm đại lý Vietlott	42.302.338	14.914.000
Thu vé hồng		55.000.000
Các khoản khác	16.526.545	6.969.500
<b>Cộng</b>	<b><u>58.828.883</u></b>	<b><u>76.883.500</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phúc lợi, ủng hộ	30.276.600	50.030.972
Các khoản bị phạt	273.770	7.530.212
Chi phí làm đại lý Vietlott	1.415.338	1.370.110
<b>Cộng</b>	<b><u>31.965.708</u></b>	<b><u>58.931.294</u></b>

**9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**9a. Chi phí bán hàng**

**9b. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.435.061.868	6.829.714.529
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.405.334.550	1.254.262.239
Chi phí khấu hao TSCĐ	602.620.973	558.643.083
Thuế, phí và lệ phí	246.899.771	228.923.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.370.428.627	2.124.090.575
Chi phí bằng tiền khác	1.219.427.807	574.093.333
<b>Cộng</b>	<b><u>13.279.773.596</u></b>	<b><u>11.569.726.805</u></b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)</b>	<b>2.154.257.694</b>	<b>2.028.693.597</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</b>	<b>30.550.370</b>	<b>57.561.184</b>
- Các khoản khác	30.550.370	57.561.184
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (3)=(1)+(2)</b>	<b>2.184.808.064</b>	<b>2.086.254.781</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (4)	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (5)=(3)*(4)</b>	<b><u>436.961.613</u></b>	<b><u>417.250.956</u></b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.435.061.868	6.829.714.529
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.405.334.550	1.254.262.239
Chi phí khấu hao TSCĐ	602.620.973	558.643.083
Thuế, phí và lệ phí	246.899.771	228.923.047
Chi phí lãi vay	65.478.082	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.331.425.702	42.594.474.723
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.370.428.627	2.031.925.512
+ Chi phí trả thưởng	43.790.533.279	39.804.135.490
+ Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	170.463.796	758.413.721
Chi phí bằng tiền khác	11.210.392.596	8.530.072.191
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.219.427.807	543.441.588
+ Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	9.990.964.789	7.986.630.603
<b>Cộng</b>	<b><u>67.297.213.542</u></b>	<b><u>59.996.089.812</u></b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin với các bên liên quan**

<i>Thu nhập đã chi trả trong năm</i>	<b>Chức vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Ban Giám đốc và Kế toán trưởng</b>		<b>1.571.278.128</b>	<b>935.268.191</b>
Ông Lê Sơn Đông (miễn nhiệm Phó Giám đốc và bổ nhiệm Chủ tịch ngày 23/04/2025)	Chủ tịch	550.133.076	303.018.582
Ông Vương Trọng Khánh	Giám đốc	466.831.534	353.509.227
Ông Nguyễn Hoàng Dương (bổ nhiệm ngày 20/06/2025)	Phó Giám đốc	176.104.273	
Ông Lương Việt Hân	Kế toán trưởng	378.209.244	278.740.382
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>92.400.000</b>	<b>51.840.000</b>
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kiểm soát viên	92.400.000	51.840.000
<b>Cộng</b>		<b>1.663.678.128</b>	<b>987.108.191</b>

**2. Thông tin về hoạt động liên tục:** Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT và điều chỉnh theo kết quả kiểm tra bởi Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang tại Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 29/06/2025. Phê duyệt quỹ lương bởi UBND tỉnh Tuyên Quang và Biên bản ngày 14/07/2025 của Sở Tài chính về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người lao động.

Theo đó, một số số liệu đã thay đổi so với số liệu ngày 31/12/2024 tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, cụ thể như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số tài khoản</b>	<b>Số liệu tại ngày 01/01/2025 trên BCKT năm 2025</b>	<b>Số liệu tại ngày 31/12/2024 trên BCKT năm 2024</b>	<b>Chênh lệch</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>				
Tiền gửi ngân hàng	112	11.855.122.894	11.756.792.851	98.330.043
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	333	899.288.416	898.658.416	630.000
<b>Tổng Tài sản</b>		<b>21.460.902.281</b>	<b>21.362.572.238</b>	<b>98.330.043</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Phải trả người lao động	334	9.460.902.281	9.362.572.238	98.330.043
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	333	433.541.071	315.142.935	118.398.136
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	333	1.466.705.280	1.508.756.676	(42.051.396)
<b>Tổng Nguồn vốn</b>	353	<b>21.460.902.281</b>	<b>21.362.572.238</b>	<b>98.330.043</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	11.569.726.805	11.451.958.669	117.768.136
Chi phí thuế TNDN hiện hành	821	417.250.956	440.804.583	(23.553.627)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	421	1.611.442.641	1.705.657.150	(94.214.509)

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

*Ma Thị Nga*  
Ma Thị Nga

*Lương Việt Hân*  
Lương Việt Hân

*Lê Sơn Đông*  
Lê Sơn Đông